



BẢN CHẤT CỦA NỖ SỢ TRONG SỰ VẬN ĐỘNG CỦA XÃ HỘI

*Trần Duy Khương**

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài: 14-6-2018; ngày nhận bài sửa: 21-8-2018; ngày duyệt đăng: 24-8-2018

TÓM TẮT

Sợ từ lâu luôn bị xem sự ngáng trở bước phát triển của xã hội. Tuy nhiên, mọi sự vật đều có tính nước đôi, và sợ chính là một trường hợp rất điển hình. Bài viết này bàn về nguồn gốc hình thành nỗi sợ ở con người; sự tác động hai chiều của nỗi sợ đến sự vận động của xã hội; nỗi sợ trong vận động xã hội ở Việt Nam. Qua đó, bài viết kết luận: Song song với việc gây nên những xáo trộn tiêu cực, nỗi sợ cũng trở thành một trong những tác nhân quan trọng kích thích sự nỗ lực của từng cá nhân, giúp cho xã hội liên tục tiến hóa.

Từ khóa: bản chất của nỗi sợ, vận động xã hội, văn hóa âm tính.

ABSTRACT

The nature of fear in social activity

Fear has long been viewed as a hindrance of the development of society. However, all things are ambivalent, and fear is a very typical case. This article discusses the origin of fear formation in humans; the twofold impact of fear on the society activity; the fear on Vietnam's social activity. Through this, the paper concludes that in parallel with causing negative disturbances, fear becomes one of the most important triggers for the efforts of the individual; therefore it helps society to develop constantly.

Keywords: the nature of fear, social activity, negative culture.

1. Khái quát về nỗi sợ và nguồn gốc hình thành nỗi sợ

Sợ là một trong những trạng thái tâm lý rất phổ biến ở con người trong quá trình sinh tồn và phát triển. Do vậy, việc ứng phó với nỗi sợ rất hay được nhắc đến trong các sách kỹ năng sống và các công trình nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên, nguồn gốc của nỗi sợ là gì và nỗi sợ được hình thành như thế nào thì vẫn là vấn đề chưa được làm sáng tỏ.

Những nhận định về sợ từ các từ điển bách khoa, từ điển tâm lý học, từ điển ngôn ngữ, thường cho rằng, sợ là trạng thái tâm lý xuất hiện khi đối mặt với các hiện tượng gây nguy hại. Khi sợ, ở con người sẽ xuất hiện một số phản ứng vật lý như: rối loạn nhịp tim, rối loạn cơ chế điều tiết mồ hôi và sự gia tăng nồng độ adrenaline. Đây là phản ứng mang tính bản năng và được thể hiện ra bằng hai dạng xử lý: tham chiến (phản ứng dương tính)

* Email: chenguan1981@gmail.com

và trốn chạy (phản ứng âm tính)¹. Tuy nhiên, những phản ứng này sẽ không thể xuất hiện nếu chủ thể không nhận thức về sự nguy hiểm từ những hiện tượng gây nguy hại đó. Ví dụ như, một người chưa nhận biết được sự nguy hại của dòng điện đối với cơ thể thì sẽ không biết tránh xa dòng điện; một em học sinh chưa nhận biết mối nguy hiểm từ việc đốt xăng nên cho rằng dùng xăng để nướng khoai lang là một ý tưởng hay². Chỉ sau khi trải nghiệm từ chính bản thân hoặc từ những người khác, con người mới dần dần học được cách biết sợ đối với những mối nguy hại đó. Vậy, nếu xét ở một thời điểm nhất định thì *sợ là trạng thái tâm lí xuất hiện khi con người nhận thức ra hoặc đối mặt với mối nguy hiểm hoặc một uy lực nào đó vượt quá phạm vi kiểm soát của bản thân*, nhưng nếu xét theo quá trình thì *sợ là kết quả của những trải nghiệm khi đối mặt với những mối nguy hiểm từ trong quá khứ*. Có nghĩa là, trong một đời người, sự tăng dần lên của số tuổi cũng tỉ lệ thuận với những nỗi sợ tích tụ trong mỗi bản thân. Nếu chiếu vào lịch sử của nhân loại, sự tiến hóa của loài người cũng đồng hành cùng với những nỗi sợ trong cuộc sống.

Trong thực tế, có nhiều nỗi sợ hình thành như một phản xạ có điều kiện khi đối mặt với những nguy hiểm trong cuộc sống, nhưng có một số nỗi sợ khác lại có nguồn gốc sâu xa hơn, đó là kết quả của sự di truyền ở đa số người. Nhóm nỗi sợ thứ nhất mang tính cá nhân hơn, phong phú hơn và cũng dễ dàng chế ngự hơn, trong khi đó, nhóm nỗi sợ thứ hai mang tính phổ quát hơn, ít nhận thấy hơn và cũng khó chế ngự hơn. Bởi vì, một con người không chỉ được sở hữu gene di truyền của cha mẹ anh ta, mà còn sở hữu những cái từ thời xa xưa khi mà loài người vẫn còn sống trong những bầy đàn thời nguyên thủy và tiến hóa dần trong quá trình sinh tồn. Trong đó, mỗi một trạng thái tâm lí của con người hầu như đều xuất phát từ một số cổ mẫu nào đó, và nỗi sợ của loài người cũng không nằm ngoài quy luật này, từ đó, chúng ta có nỗi sợ cái chết, nỗi sợ bóng đêm, nỗi sợ cô độc...

Xét về nguồn gốc, nỗi sợ được hình thành từ hai nhóm yếu tố: yếu tố bên ngoài và yếu tố bên trong. Trong đó, nhóm yếu tố bên ngoài gắn liền với yếu tố bản năng và nhóm yếu tố bên trong gắn liền với yếu tố văn hóa.

Ở nhóm yếu tố bên ngoài, sợ chính là kết quả của một quá trình phản ứng sinh lí ở con người khi đối mặt với một điều gì nguy hại đến bản thân. Để đảm bảo sự sinh tồn, phát triển và duy trì cuộc sống ổn định, con người buộc phải biết sợ một số điều nhất định. Ví dụ như khi lí giải về nỗi sợ các loài động vật bò sát (điển hình nhất là rắn), Vanessa LoBue cho rằng, “trải qua lịch sử tiến hóa, con người học được cách sợ rắn càng nhanh càng tốt, nhằm tạo điều kiện để sinh tồn và quay vòng sinh sản được tốt hơn. Khả năng này dường

¹ Tâm lí của sự sợ hãi - The Psychology of Fear. Khai thác từ <http://toomva.com/tam-ly-cua-su-so-hai-the-psychology-of-fear-c.503>.

² Vào ngày 20/3/2017, em N.V.S cùng nhóm bạn đã dùng xăng để nướng khoai lang, khi lửa bùng phát thì S. lại ném quẹt lửa vào, kết quả là S. cùng ba học sinh khác bị bỏng nặng. Khai thác từ <http://dantri.com.vn/suc-khoe/nuong-thuc-an-bang-xang-mot-hoc-sinh-lop-5-nguy-kich-20160320165355247.htm>.

như đã được lưu truyền trong bộ gene của chúng ta”³. Hoặc giả, nói dối là điều không tốt nhưng trẻ con vẫn có thể nói dối nếu chúng sợ bị trừng phạt bằng vũ lực hoặc bị phê bình nghiêm khắc. Có thể nói rằng, con người biết sợ một cách có suy tính trong khi con vật chỉ biết sợ theo phản ứng bản năng là bởi vì nỗi sợ của con người thường là kết quả của “những khả năng khác thường của trí nhớ và sự thấy trước - nói ngắn gọn là từ nhận thức của chúng ta về thời gian” (Watts, Thái An dịch, 2016, tr.43).

Ở nhóm yếu tố bên trong, vì con người luôn sống trong quan hệ giữa người với người, bản thân họ có thể cảm thấy bị đe dọa bởi sự xuất hiện của những gì mà họ không quen thuộc. Khi cảm thấy bị đe dọa bởi sự hiện diện của khách thể, con người có xu hướng dựa vào một sức mạnh nào đó, ngõ hầu giúp bản thân có thể có được vị thế tốt hơn. Ở những nền văn hóa dương tính cao, sức mạnh để con người dựa vào chính là sức mạnh vũ lực, khoa học kỹ thuật và thực nghiệm kiểm chứng, pháp luật, nguyên tắc... Ở những nền văn hóa âm tính cao, sức mạnh để con người dựa vào chính là tình cảm, kinh nghiệm, mối quan hệ, quyền lực... Thói quen dựa vào sức mạnh này sẽ tạo ra một khoảng chênh lệch giữa khách thể trong ý thức đối phó và khách thể trong thực tế. Khoảng chênh lệch này sẽ trở thành vách ngăn để giúp cái tôi không gặp phải nguy hại. Tuy nhiên, vách ngăn này càng dày thì cái tôi càng co cụm và càng lệ thuộc vào nguồn sức mạnh vốn sẵn có của mình, theo đó, họ càng sợ phải tồn tại chung với những điều xa lạ hoặc sợ cái tôi bản thân sẽ bị đe dọa trước người khác. Chính vì vậy, Zi Wei cho rằng, nguồn gốc của nỗi sợ chính là sự ích kỉ và cái tôi (Zi Wei, 2004). Điều này cũng được đề cập đến trong nghiên cứu của các tác giả Jerome Kagan, Richard M. Lerner, Marc H. Bornstein: cảm giác lo sợ xuất hiện ngay ở những đứa trẻ sơ sinh từ bốn tháng tuổi trở đi khi chúng cảm nhận được những gì xa lạ, cũng như cảm thấy an toàn khi được ở trong môi trường quen thuộc (Kagan, Lerner & Bornstein, 2017).

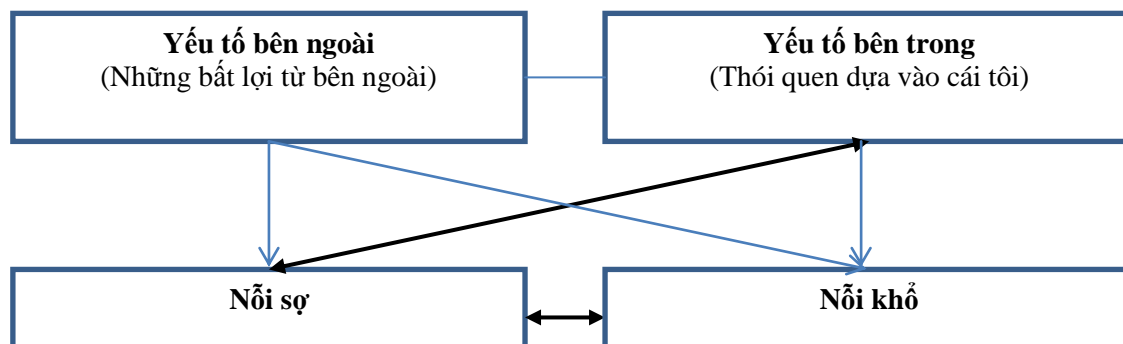
Tuy nhiên, mối quan hệ giữa nỗi sợ với thói quen dựa vào cái tôi là mối quan hệ nhân quả liên hoàn, tựa như câu chuyện quả trứng và con gà. Bởi lẽ, con người ngay từ khi sinh ra vốn không tự nhiên có sẵn bản tính ích kỉ và thích tự trói buộc họ vào chính thành kiến của mình, mà đó chính là hệ quả của những chuỗi nỗi sợ trong quá trình sinh tồn. Đây cũng là điều mà Pema Chödrön đã phát biểu: “Thói quen thường được dựa trên sự sợ hãi” (Chödrön, 2013, tr.27-28). Nhưng, một khi đã hình thành nên thói quen dựa vào thành kiến của cái tôi, thì con người lại càng trở nên co lại, và phản ứng tiêu cực bằng nhiều hình thức đối với những gì khác họ, và đó chính là những biểu hiện của nỗi sợ trong vô thức của họ. Do đó, “sự sợ hãi có nhiều khuôn mặt và đeo nhiều mặt nạ lắm. Nó tòi tỉnh nấp sau nhiều tật khó mà nhận ra được: tham lam, ích kỉ, nhút nhát; ác cảm, giận dữ, hung hăng nhiều khi

³ Khai thác từ <http://kenh14.vn/tin-vui-cho-nhung-nguoi-so-ran-chung-ta-duoc-tien-hoa-de-so-ran-20170716142812265.chn>.

chính là vì sợ; ngay cả đến sự gan dạ quá lộ cũng là do sợ nữa” (Coleman, Nguyễn Hiến Lê dịch, 1969, tr.45-46). Như vậy, giữa nỗi sợ và thói quen dựa vào cái tôi có mối quan hệ mật thiết với nhau và có khả năng chuyển hóa cho nhau, khiến chúng ta đôi khi không thể phân biệt đâu là tiền đề và đâu là hệ quả.

Ngoài ra, giữa nỗi sợ và nỗi khổ cũng có mối quan hệ nhân quả nhất định. Theo triết lí Phật giáo về nỗi khổ (Dukka), sinh, lão, bệnh, tử là những cái khổ không ai tránh được; gặp điều bất ưng là khổ, không đạt được những gì ưa thích, ước ao hoặc mất mát, xa lìa nó cũng gây khổ. Khi đối mặt với những điều bất hạnh trong thực tế ấy, với một số người hầu như không có nguồn sức mạnh nào có thể dựa vào thì việc phải trải qua những điều bất hạnh ấy chính là một sự dày vò. Những trải nghiệm khó chịu này sẽ khiến cho phần đông con người cảm thấy cái tôi bị tổn thương, từ đó, họ có xu hướng co cụm lại khi phải đối mặt với những điều bất lợi tương tự. Vì vậy, nỗi khổ cũng là một tiền đề hình thành nên nỗi sợ ở con người. Nhưng, một khi con người có khuynh hướng chạy trốn thực tế bất hạnh và tìm cách đối phó với những thất bại tiếp theo, con người sẽ càng trở nên khổ sở. Theo Alan W. Watts, lí do thực sự khiến con người khổ sở và thất vọng “không phải vì có những thực tế gọi là chết, nỗi đau, nỗi sợ hãi, đói khát. Mấu chốt vấn đề nằm ở chỗ khi những thực tế ấy xảy ra, chúng ta quay cuồng, rên rỉ, vật lộn, quẩn quại, cố đưa cái ‘tôi’ thoát khỏi trải nghiệm” (Watts, Thái An dịch, 2016, tr.103). Cứ như thế, nỗi khổ và nỗi sợ luôn sinh, thành, trụ, diệt cùng nhau.

Như vậy, nguồn gốc của nỗi sợ có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



2. Sự tác động hai chiều của nỗi sợ đến sự phát triển của xã hội

Châu Liêm Khê trong *Thái cực đồ thuyết* cho rằng, “Thái cực động thì sinh dương; động cực thì tĩnh, tĩnh thì sinh âm; tĩnh cực lại động; một động một tĩnh, cùng làm căn bản cho nhau. Rồi khi đã phân chia ra âm dương thì lưỡng nghi thành lập” (Dẫn lại từ Dương Đức Linh, 2007, tr.8), suy ra, ở một sự vật hiện tượng sẽ luôn có cả hai thuộc tính âm và dương, hai thuộc tính này sẽ biến hóa không ngừng để vạn vật được chu chuyển. Sợ cũng là một dạng hiện tượng có thật, được tồn tại cùng với sự biến thiên của xã hội, do vậy, ngay trong bản thân của nỗi sợ cũng chứa đựng cả hai cực trong quá trình vận động của

con người cá nhân nói riêng và xã hội nói chung: một mặt, nó trở thành lực cản gây ngưng trệ sự vận động và mặt khác, nó trở thành chất xúc tác để thúc đẩy sự vận động.

Ở chiều thứ nhất, sợ luôn bị xem là lực cản gây ngưng trệ sự vận động của con người cá nhân và xã hội. Theo bản năng, hầu hết mọi người đều muốn tìm mọi cách để tránh xa nó bằng cách chạy trốn hoặc đối đầu. Tuy nhiên, càng chạy trốn nỗi sợ thì nỗi sợ càng lúc càng lớn, con người càng lúc càng bị mất dần sinh lực do phải sống trong ám ảnh về nỗi sợ; còn đối đầu với nỗi sợ thì con người phải trải qua sự dày vò khổ sở khi phải tìm mọi cách để chiến thắng bản thân mình. Vì vậy, “nỗi sợ đã ngăn cản họ sống một cuộc đời mà họ mong muốn” (Jeffers, Hồ Thị Việt Hà biên dịch, 2016, tr.23), hoặc “đa phần mọi nỗi sợ hãi của con người đều do vấn đề về tâm lí mà ra... Nó là kẻ thù số một của bất cứ ai trên con đường vươn tới thành công. Nó ngăn cản bạn nắm bắt các cơ hội, làm cho sức khoẻ của bạn suy giảm, sinh ra bệnh tật, lo lắng, giảm tuổi thọ. Nỗi sợ còn khiến bạn không dám mạnh dạn phát biểu ý kiến của bản thân” (David, Nguyễn Thị Thành, Trần Lê Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh Huyền dịch, 2016, tr.65).

Ở chiều thứ hai, sợ được xem là chất xúc tác trong việc thúc đẩy sự vận động. Con người vốn không tự nhiên thụ động và cũng không tự nhiên chủ động, nhưng những thách thức trong cuộc sống tự nhiên và xã hội sẽ khiến con người phải tự vận động. Trong đời sống tự nhiên, sự xuất hiện của thiên tai, bệnh dịch, sự khan hiếm nguồn lương thực... sẽ khiến cho con người không thể ngồi yên chờ chết, mà họ phải tìm mọi cách để có thể khắc chế được những điều bất lợi đó. Trong đời sống xã hội đa dạng và phức tạp, sẽ luôn có những thành viên ưu tú hơn và những thành viên kém ưu tú hơn, cũng như giữa các cộng đồng sẽ có những cộng đồng lớn mạnh và những cộng đồng nhỏ yếu, do vậy, việc so sánh tất nhiên sẽ diễn ra. Để củng cố và sinh tồn một cách ổn định và vững chắc, các thành viên trong cộng đồng cũng như giữa các cộng đồng trên thế giới buộc phải suy nghĩ lựa chọn những hướng hành động khác nhau. Ví dụ như, trong công trình *Bàn về tự do*, John Stuart Mill cho rằng, nỗi sợ được xem là tiền đề để phát triển chân lí, thúc đẩy sự phát triển của khoa học: một học thuyết luôn sợ bị lạc hậu bởi một học thuyết khác nên nó luôn tìm mọi cách để hạn chế nhược điểm của mình và trở nên hoàn thiện hơn. Và một khi “học thuyết đã giành một chỗ đứng... Thay vì phải luôn luôn ở trong trạng thái cảnh giác như trước đây để bảo vệ mình chống lại cả thế giới hay là để đưa cả thế giới lại với mình, họ đã hạ thấp xuống mức chịu mặc nhận” (Mill, Nguyễn Văn Trọng dịch, 2009, tr.99), thì một học thuyết khác tiến bộ hơn sẽ xuất hiện. Như vậy, trong sự bị động từ nhiều hướng, con người luôn phải học cách biết sợ nhằm tránh đi những thất bại có thể sẽ xảy ra. Có thể nói, như lời nhận định của Aristote, biết sợ một cách có lí trí cũng chính là một sự can đảm: “Người đối mặt với nỗi sợ hãi và người sợ những điều thích hợp, vì động cơ đúng đắn, trong cách thức đúng đắn và vào thời điểm thích hợp, người cảm thấy tự tin dưới những điều kiện tương ứng, thì họ là can đảm” (Dẫn theo Saxe & Robert, Nguyễn Kim Dân biên dịch, 2005,

tr.77). Vì vậy, “sợ mà có lí thì đó là điều rất cần trong cuộc sống. Nó liên quan chặt chẽ với bản năng sinh tồn của ta. Trong những hoàn cảnh có thực, chứ không phải tưởng tượng, mà biết sợ một cách vừa phải, nghĩa là nguy nhiều thì sợ nhiều, nguy ít thì sợ ít, một cách hợp lí như vậy thì tức là biết tự vệ, có lợi chứ không có hại” (Coleman, Nguyễn Hiến Lê dịch, 1969, tr.67).

Tuy nhiên, theo *Dịch lí*, âm và dương không hoàn toàn tách bạch lẫn nhau, chúng nương vào nhau để tồn tại và có khả năng chuyển hóa cho nhau. Việc lo sợ bản thân bị yếu thế trước người khác một mặt sẽ khiến con người phấn đấu tìm mọi cách để có thể vượt lên người khác (chiều hướng tích cực), nhưng sau đó, họ sẽ trở nên đa nghi, chịu nhiều áp lực và dễ bị tổn thương hơn khi gặp phải những bất trắc (chiều hướng tiêu cực). Ngược lại, sự thành công quá sớm hoặc quá lớn có thể sẽ gây ra sự chú quan ở đa số người, sự tự tin này có thể khiến họ dễ dàng bị rơi vào sự khốn cùng (chiều hướng tiêu cực), nhưng để có thể tiếp tục tồn tại, họ lại học cách biết sợ và vượt qua nỗi sợ bằng hành động (chiều hướng tích cực). Như vậy, vòng đời con người sẽ luôn là một vòng tuần hoàn giữa thành công và thất bại, đó cũng chính là vòng tuần hoàn giữa nỗi sợ và sự tự tin. Một khi vòng tuần hoàn giữa hai chiều hướng này bị phá vỡ, con người sẽ đi vào con đường cụt và sẽ nhanh chóng bị tàn diệt.

Đồng thời, một sự vật hiện tượng luôn mang nhiều giá trị khác nhau khi được nhìn nhận từ nhiều tọa độ khác nhau, tùy thuộc vào việc nó được xét ở tiêu chí nào, bằng cách nào. Vì vậy, hai chiều hướng tiêu cực và tích cực ở nỗi sợ có thể bị thay đổi nếu như chúng được đặt trong những tọa độ văn hóa khác nhau⁴. Cùng là nỗi sợ về cái chết, nhưng ở tọa độ văn hóa này, nó là nỗi sợ cao thượng, ở tọa độ văn hóa khác, nó lại là nỗi sợ hèn mọn. Ví dụ như, sợ cái chết đến sớm trong khi anh ta đang mong muốn hoàn thành những việc có ích cho người, cho đời thì nỗi sợ ấy lại trở thành nỗi sợ cao thượng; sợ cái chết tìm đến trong khi anh ta mong cầu sự sống của anh ta chỉ để dùng vào việc làm hại người, hại đời thì đó lại là nỗi sợ hèn mọn. Ngược lại với trạng thái sợ, thì tùy theo trường hợp mà *vô úy* (không sợ) có thể mang hai hình thái: Một là lòng dũng cảm và một là sự hèn nhát/ thiếu bản lĩnh được thể hiện bằng hành động liều lĩnh. Ví dụ như, một người vì chân lí mà phải hi sinh bản thân mình thì đó là dũng cảm, nhưng một người vì mục đích vun vén cho lợi ích bất chính của cá nhân mà phải mạo hiểm bản thân thì đó lại là liều lĩnh. Chính vì vậy, Salzberg Sharon đã bàn về thực chất của sự vô úy khi đối mặt với cái chết như sau:

“Chúng ta có thể cảm thấy không còn biết sợ sệt, sẵn sàng chết, vì ta bị giam cầm trong một thế giới u ám, tiêu điều, không có cảm xúc, bị giới hạn vào sự sống nhỏ nhoi của riêng mình. Hoặc ta có thể thật sự vô úy, sẵn sàng chết, vì ta khám phá ra được ý nghĩa thâm sâu về thế

⁴ Về vấn đề giá trị trong quan hệ với tọa độ văn hoá, Trần Ngọc Thêm trong công trình *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* đã nhận định như sau: “Giá trị là tính chất G của khách thể A (sự vật, con người, hiện tượng, trạng thái, hoạt động, v.v.), được chủ thể C (con người) đánh giá là tích cực xét trong quan hệ so sánh giữa A và các khách thể B, D... cùng loại và được định vị trong một không gian K và thời gian T cụ thể” (2016, tr.40).

nào mới thật sự là sống. Chúng ta chỉ thật sự vô úy khi ta, với một trái tim biết thương yêu, tiếp xúc được sâu sắc với nỗi sợ nằm sâu kín trong ta; khi ta có chánh niệm về nó, không tự trách mình, và không để nó sai sử” (Sharon, Nguyễn Duy Nhiên dịch, 2014, tr.286).

3. Nỗi sợ trong sự vận động xã hội ở Việt Nam

3.1. Nỗi sợ trong xã hội Việt Nam truyền thống

Việt Nam truyền thống là một nước nông nghiệp điển hình ở khu vực Đông Nam Á, vì vậy, tương tự như những cư dân cùng khu vực văn hóa, nỗi sợ phổ biến của người Việt truyền thống cũng gắn liền với tính trọng yếu tố âm, trọng tình cảm. Theo cách phân chia của Trần Ngọc Thêm (2004) về các thành tố văn hóa trong hệ thống văn hóa, diện mạo của mỗi nền văn hóa đều được định hình từ ba phương diện chủ đạo trong đời sống: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử; theo đó, nỗi sợ đậm chất âm tính của người Việt truyền thống được thể hiện ra trên tất cả các phương diện này.

Về phương diện **nhận thức**, do người Việt truyền thống chủ yếu làm nông nghiệp nên thường chú ý đến sự tác động từ nhiều hướng của thiên nhiên đối với mùa màng, do vậy, người Việt truyền thống thường giỏi về tư duy tổng hợp - biện chứng và xử lý tình huống chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và thói quen: *trăm hay không bằng tay quen* (tục ngữ). Nhưng ngược lại, đối với những vấn đề mới lạ và cần xử lý bằng tư duy lí tính, khoa học, họ thường có tâm lí sợ sệt, lo lắng. Theo đó, phản ứng phổ biến nhất ở họ khi đối mặt với những vấn đề mới này chính là lảng tránh, chạy trốn hoặc phủ định. Truyền thống sợ hãi với cái mới này đã khiến cho khoa học lí tính ở Việt Nam không có nhiều thành tựu (trong lịch sử Việt Nam truyền thống, chỉ có Vũ Hữu, Lương Thế Vinh, Nguyễn Hữu Thận là những người có nghiên cứu ít nhiều về toán học), trong khi phần đông dân chúng lại thích tiếp nhận văn chương nghệ thuật theo kiểu đại chúng. Tuy nhiên, văn chương nghệ thuật Việt Nam truyền thống lại không phát triển những thể loại mới cùng với những motif mới, nội dung mới; thậm chí, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du một thời bị xem là dâm thư vì chứa nội dung nam nữ luyến ái tự do. Ngay cả đến tận thời đương đại, với nỗi sợ đối với cái mới vốn sẵn có trong phần đông người Việt truyền thống, quyển thành ngữ sành điệu bằng tranh “*Sát thủ đầu mừng mũ*” (Thành Phong, 2011) đã trở thành tâm điểm của dư luận xã hội khi cho rằng đó là một dị vật có khả năng khiến cho tiếng Việt bị vẩn đục.

Về phương diện **tổ chức đời sống tập thể**, do người Việt truyền thống sống ở một nơi cố định và khép kín, nên họ luôn lấy tình cảm làm công cụ quản lí cộng đồng theo lối linh hoạt. Do vậy, nguyên tắc hoà giải thường được ưu tiên sử dụng để giải quyết những mâu thuẫn mà không cần phải bàn nhiều về lí lẽ: *một bồ cái lí không bằng một tí cái tình* (tục ngữ). Đối xã hội truyền thống này, lệ là cái chính, còn luật là cái hữu danh vô thực. Kéo theo đó, từ xưa đến nay, người Việt luôn rất sợ phải đụng chạm đến pháp luật, thậm chí, hình ảnh người chấp pháp (điển hình là quan huyện thời xưa và công an ngày nay)

thường là hình ảnh tiêu cực ám ảnh phần đông người mà không phải là hình ảnh những người yêu dân như con, vì dân phục vụ.

Truyền thống lấy tình cảm làm nguyên tắc tổ chức xã hội còn khiến cho xã hội có xu hướng co cụm lại và biến thành hình thức của một gia đình. Trong đó, mỗi thành viên đều phải thực hiện nếp chung của cộng đồng, khiến cho xã hội khi nhìn từ ngoài vào sẽ có hình thức thuần nhất, đồng loạt. Sống trong cộng đồng mang dáng dấp làng xã như vậy, con người phải sống theo người khác, vì vậy, họ rất sợ phải thể hiện sự khác biệt của bản thân.

Ngoài ra, trong đời sống nông nghiệp điển hình, người càng nhiều tuổi thì càng quan sát được nhiều sự biến dịch trong tự nhiên và xã hội, càng có kinh nghiệm trong việc sản xuất và quản lí. Từ đó, người già luôn được tôn trọng, thậm chí, dân gian còn đặt ra khái niệm “xỉ tước” để thể hiện ý này. Tuy nhiên, quan niệm này cũng dẫn đến việc “sống lâu lên lão làng” trở thành triết lí sống quen thuộc đối với phần lớn cư dân ở đây. Do vậy, bổn phận của người bề dưới phải luôn tỏ ra ngoan ngoãn, phục tùng⁵ và biết sợ người bề trên. Quan niệm tôn ti trật tự trong nguyên tắc tổ chức cộng đồng này có thể được xem là đặc trưng chung ở các nước Đông Nam Á khác: “Trẻ em sớm học cách để cảm nhận sự xét nét hành vi của mình khi có mặt những người lớn tuổi hơn... Về thiếu tự tin được những người lớn tuổi hơn đánh giá cao” (Mulder, Đông Hương dịch, 2014, tr.191). Đồng thời, nỗi sợ thường trực ở những con người này không nằm ở hình pháp nghiêm minh, mà “mối lo ngại về những hình phạt được hình thành trong nỗi sợ hãi ‘không được công nhận là một con người (văn minh) nữa’” (Mulder, Đông Hương dịch, 2014, tr.203). Điều này cũng tương tự như việc người Việt truyền thống luôn sợ bị đuổi ra khỏi làng nếu phạm phải những tội lỗi nghiêm trọng, có nghĩa là họ sợ bị từ chối tư cách của một người dân chính cư.

Về phương diện *ứng xử*, nỗi sợ ở người Việt truyền thống được thể hiện rõ nét nhất trong mối quan hệ giữa người với người. Vì quen dựa vào kinh nghiệm nhìn nhân tướng, nhìn bề ngoài để đánh giá con người nên việc tạo lập mối quan hệ giữa người với người vào lúc ban đầu cũng có thể gặp phải những trở ngại nhất định. Tục ngữ có câu “quen sợ da, lạ sợ áo”, vì vậy, những người ăn mặc chải chuốt sẽ bị mặc định là những kẻ Sở Khanh: “Quá niên trạc ngoại tứ tuần/ Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao” (Truyện Kiều); hoặc những người “nhất lé, nhì lùn, tam hô, tứ rỗ” là những người bất chính. Nỗi sợ truyền thống từ việc nhìn mặt bắt hình dong này vô hình trung đã khiến cho nhiều người phạm phải sai lầm trong việc nhận định giá trị thực của con người, vì vậy, dân gian cũng thường khuyên nhau: “tốt gỗ hơn tốt nước sơn”. Đối với những người đã quen biết nhau, do sống trong cộng đồng khép kín truyền thống nên con người thường xem trọng danh dự, chính vì vậy, điều mà các thành viên sợ nhất chính là dư luận, lời nói dèm pha của người khác. Đây

⁵ Vấn đề “con ngoan, trò giỏi” này được Trần Ngọc Thêm phân tích từ nguồn gốc đến hiện trạng khi bàn về bệnh triệt tiêu cá nhân trong công trình *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* (2016, tr.338).

cũng chính là nguyên nhân quan trọng cấu thành nên bệnh sĩ diện và háo danh, bệnh thành tích, bệnh hình thức ở người Việt⁶. Vì sợ mang tiếng xấu, người Việt truyền thống quen “xấu che, tốt khoe”, thậm chí, vì lo sợ thấp kém hơn người, nhằm hạ thấp đối phương, phương cách được sử dụng phổ biến lại chính là nói xấu sau lưng người khác; hoặc để có thể chiếm ưu thế cho mình mà một bộ phận người Việt thường giữ thói khôn vặt, lấu cá, giả dối, mua chuộc... Có thể nói, những hiện trạng xấu trong xã hội Việt Nam truyền thống đa phần đều xuất phát từ nỗi sợ bị xem thường giá trị của cá nhân trong quá trình tồn tại ở một nền văn hóa xem trọng tính tập thể, xem trọng mối quan hệ (văn hóa kiểu *being*)⁷.

Như vậy, xuất phát từ điều kiện sống trọng tình cảm và lệ thuộc vào tập thể mà người Việt truyền thống có văn hóa sợ theo kiểu âm tính. Tuy những nỗi sợ này có thể mang đến căn bệnh trong tính cách, nhưng xét cho cùng, đó là dạng phản ứng trước những nguy cơ xuất hiện trong cuộc sống. Những nỗi sợ này góp phần vào việc ổn định trật tự cộng đồng xã hội, giúp cho xã hội đạt được sự thống nhất nhất định.

3.2. Nỗi sợ trong xã hội Việt Nam hiện nay

Từ khi thực hiện chính sách mở cửa, đặc biệt từ khi chính thức hòa mình vào quá trình toàn cầu hóa (từ giữa thập niên 90 của thế kỉ XX đến nay), Việt Nam đã không ngừng vận động và có những sự chuyển biến sâu sắc. Sự chuyển biến ấy không đơn thuần chỉ thể hiện trên phương diện kinh tế hay chính trị, mà nó còn thể hiện một cách đậm nét trên các phương diện văn hóa, trong đó có cả sự chuyển biến ở những hình thái của nỗi sợ. Trong sự chuyển biến ấy, có những nỗi sợ cũ vẫn được giữ lại, hoặc đã được cải biên, hoặc bị thay thế hoàn toàn bởi những nỗi sợ mới để phù hợp với xu hướng chủ lưu.

Tính cách con người là cái được định hình từ rất sớm và rất khó để có thể thay đổi, do vậy, dù đang trong bước chuyển ngoặt đi từ xã hội nông nghiệp truyền thống dần dần sang xã hội trí tuệ hiện đại, nhưng phần lớn những nỗi sợ truyền thống của người Việt không dễ dàng bị mất đi. Điển hình là những bệnh sĩ diện và háo danh, bệnh hình thức, bệnh thành tích vẫn chưa bị mất đi, do vậy, nỗi sợ bị xem thường giá trị vẫn luôn ám ảnh, khiến cho con người vẫn tìm mọi cách để nâng cao giá trị của bản thân. Hiện tượng phổ cập trình độ học vấn ở các cấp chính vì thế mà trở nên bị biến tướng, việc học lên trình độ cao hơn chủ yếu không xuất phát từ lòng hiếu học thật sự, mà đó chỉ là cách để đối phó với cơ chế tuyển dụng và đãi ngộ thông qua bằng cấp. Thậm chí, vì sợ thể hệ sau của mình bị

⁶ Nội dung cụ thể, xem (Trần Ngọc Thêm, 2016, tr.321-332).

⁷ “Văn hóa kiểu *being*” là khái niệm được dùng để chỉ những nền văn hoá trọng danh (các nước có gốc thuần nông là ví dụ điển hình), ở đó, giá trị của một người được đánh giá chủ yếu dựa trên cơ sở của mối quan hệ xã hội. Như vậy, sống trong nền văn hóa kiểu *being*, người ta cần phải trả lời câu hỏi: *bạn là ai trong xã hội này?* Đối lập với “văn hóa kiểu *being*” là “văn hóa kiểu *doing*” - một khái niệm được dùng để chỉ những nền văn hoá trọng kết quả thực tế (các nước có gốc chuyên du mục là ví dụ điển hình), ở đó, giá trị của một người được đánh giá chủ yếu dựa trên sản phẩm/ hiệu quả mà anh ta đạt được trong quá trình hoạt động. Sống trong nền văn hoá kiểu *doing*, người ta cần phải trả lời câu hỏi: *bạn làm được những gì trong xã hội này?*

thua kém người khác, các bậc cha mẹ học sinh còn tìm mọi cách để con cái được học sớm và học ở các trường điểm, từ đó gây nên sự hỗn loạn trong thời gian tuyển hồ sơ học sinh. Ngoài ra, do sợ bị dư luận động chạm đến cái xấu của bản thân, nhiều người không dám thừa nhận những lỗi lầm của mình, thay vào đó, thói quen nói dối, nói tránh vẫn thường được áp dụng.

Song song với những nỗi sợ còn lưu lại từ trong truyền thống văn hóa nông nghiệp, những nỗi sợ mới được phát sinh trong giai đoạn chuyển tiếp văn hóa ngày nay cũng vô cùng phức tạp. Trường hợp rõ ràng nhất chính là sự chuyển đổi từ nỗi sợ bị lập dị trong cuộc sống bị lệ thuộc vào tập thể sang nỗi sợ bị thua thiệt trong cuộc sống coi trọng yếu tố cá nhân. Ở nỗi sợ bị lập dị, con người luôn ý thức giữ hành vi, thái độ của bản thân phù hợp với chuẩn mực của cộng đồng xã hội, lúc này, dư luận xã hội mang một sức mạnh vô cùng to lớn. Tuy nhiên, trong một xã hội mang tính tự do dân chủ cao hơn, đồng thời lại được mở rộng giao lưu với các luồng văn hóa khác như Việt Nam hiện nay, vai trò cá nhân vì thế đã được nâng cao rõ rệt. Trong tình hình mới này, lực lượng thanh niên được xem là đối tượng chủ đạo, do vậy, tính cá nhân chủ yếu được cho là do họ tạo ra. Theo đó, tất cả những biểu hiện tiêu cực trong tính cách gắn liền với tính cá nhân được xuất hiện trong thời đại mới này đã trở thành mối lo ngại ở những bộ phận người còn lại. Cùng với sự lan truyền nhanh và khắp của mạng lưới truyền thông, những mối lo ngại này dần dần đã trở thành nỗi sợ hãi thật sự, đó chính là nỗi sợ suy đồi đạo đức (moral panic)⁸.

Trong thực tế, nỗi sợ suy đồi đạo đức hiện nay ở Việt Nam được hình thành từ nhiều trường hợp vì xem quyền lợi, lợi ích của bản thân quan trọng hơn tất cả mà liêu lĩnh, bất chấp dư luận. Những phóng sự về thực phẩm bẩn trong suốt thời gian gần đây luôn tạo nên sự lo sợ về sức khỏe ở người tiêu dùng. Những thông tin trộm cướp, hiếp giết, lừa gạt, bắt cóc, ngược đãi trẻ em, bạo lực gia đình... luôn khiến cho dân chúng phẫn nộ. Một khi nỗi sợ suy đồi đạo đức này vượt quá ngưỡng, nó sẽ khiến đám đông dễ dàng bị kích động và xuất hiện tình trạng giải quyết vấn đề bằng vũ lực nhằm cân bằng lại trạng thái sợ hãi đó, ví dụ như vụ dân chúng xã Ngọc Sơn (Quỳnh Lưu, Nghệ An) đánh chết hai kẻ trộm chó và đốt cháy xe máy vào ngày 27-6-2012, vụ dân chúng xã Minh Đức (Việt Yên, Bắc Giang) đánh chết kẻ trộm chó vào ngày 05-4-2016, vụ dân chúng xã Mai Đình (Sóc Sơn, Hà Nội) đánh dã man hai phụ nữ nghi là bắt cóc trẻ em vào ngày 22-7-2017...

Có thể nói, tương tự như nhóm nỗi sợ theo kiểu âm tính trong truyền thống, những nỗi sợ xuất hiện trong xã hội Việt Nam hiện nay cũng chính là một dạng phản ứng trước những nguy cơ đang diễn ra. Hệ quả của những nỗi sợ này có thể là tiêu cực, nhưng

⁸ Về nỗi sợ suy đồi đạo đức, xin xem thêm (Đỗ Anh Đức, 2016, tr.67-71).

phần nhiều lại góp phần loại bỏ những căn bệnh trong xã hội, từ đó đưa xã hội ngày càng phát triển hơn.

4. Kết luận

Như vậy, ở mỗi tọa độ văn hóa khác nhau, nỗi sợ cũng có những hình dạng khác nhau, nhưng xét về bản chất, bất kì nỗi sợ nào cũng đều có những tác động vào sự vận động của xã hội. Song song với việc gây nên những xáo trộn tiêu cực trong tâm sinh lí của con người, những nỗi sợ hợp lí cũng trở thành một trong những tác nhân quan trọng kích thích sự nỗ lực của từng cá nhân, còn những nỗi sợ bất hợp lí sẽ bị điều chỉnh dần dần và mất đi, từ đó, xã hội sẽ liên tục được tiến hóa. Khi xã hội phát triển đến một chặng mới, những nỗi sợ mới lại xuất hiện và tiếp tục kích thích sự vận động của xã hội.

Ở Việt Nam hiện nay, nỗi sợ suy đồi đạo đức một mặt có thể khiến dân chúng hoang mang, đa nghi và thể hiện ra bằng những hành động quá khích động. Tuy nhiên, đó cũng chính là sự phản ứng kịp thời để toàn dân phòng ngừa những trường hợp tương tự, và cũng để người cầm quyền kịp thời đưa ra những quyết định đúng đắn, giúp cho xã hội phát triển mạnh mẽ trong ổn định. Ở cấp độ vi mô, việc biết sợ một cách đúng đắn ở từng cá nhân trong cộng đồng sẽ giúp họ không những loại trừ được bệnh thiếu bản lĩnh, mà còn rèn luyện được lòng can đảm. Có thể nói rằng, phản ứng sợ hãi phục vụ sự sống còn bằng cách tạo ra phản ứng thích ứng thích hợp, vì vậy nó đã được duy trì trong suốt quá trình tiến hóa.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chödrön P. (2013). *Cú nhảy thoát khỏi thói quen và nỗi sợ hãi*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Coleman, L. (1969). *Trút đi nỗi sợ* (Nguyễn Hiến Lê dịch). Sài Gòn: NXB Thanh Tân (Nguyên văn: *Freedom from fear*).
- David J. S. (2016). *The magic of thinking Big* (Dám nghĩ lớn) (Nguyễn Thị Thanh, Trần Lệ Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh Huyền biên dịch). TP Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp.
- Đỗ Anh Đức. (2016). Nỗi sợ hãi suy đồi. *Tạp chí Lí luận Chính trị và Truyền thông*, 2, 67-71.
- Dương Đức Linh. (2007). *Dịch lí và con người*. NXB Lao động.
- Jeffers S. (2016). *Xuyên qua nỗi sợ - Bí quyết của người chiến thắng* (Hồ Thị Việt Hà biên dịch). TP Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp.
- Kagan J., Lerner R. M., Bornstein M. H. (27/6/2017). *Human behaviour*. Khai thác từ <https://www.britannica.com/topic/human-behavior#ref390943>
- Mill J. S. (2009). *Bàn về tự do* (Nguyễn Văn Trọng dịch). NXB Tri thức.

- Mulder N. (2014). *Những thay đổi trong văn hóa và tôn giáo của Đông Nam Á* (Đồng Hương dịch). NXB Từ điển Bách khoa.
- Saxe C., Robert N. L. (2005). *Mối quan hệ giữa người với người* (Nguyễn Kim Dân biên dịch). NXB Văn hóa - Thông tin.
- Sharon S. (2014). *Trái tim thiền tập* (Nguyễn Duy Nhiên dịch). NXB Văn hóa - Thông tin.
- Tâm lí của sự sợ hãi - The Psychology of Fear*. (18/5/2017). Khai thác từ <http://toomva.com/tam-li-cua-su-so-hai-the-psychology-of-fear-c.503>
- Trần Ngọc Thêm. (2004). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. TP Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp.
- Trần Ngọc Thêm. (2016). *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*. NXB Văn hóa - Văn nghệ.
- Watts A. W. (2016). *Minh triết sinh ra từ bất an - Một thông điệp cho thời đại lo âu* (Thái An dịch). NXB Hồng Đức.
- 紫薇 (Zi Wei). (7/12/2014). *怕與不怕淺悟* (Sơ giải về nỗi sợ và không sợ). Khai thác từ <http://big5.zhengjian.org/node/26652>